

Một số vấn đề về hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay^(*)

Đặng Thị Hoa^()**

Tóm tắt: *Hôn nhân xuyên biên giới là một hiện tượng xã hội đã xảy ra trong lịch sử và đang đặt ra những vấn đề mới trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay. Hôn nhân xuyên biên giới có những tác động không nhỏ tới sự phát triển của khu vực biên giới nước ta. Bên cạnh những yếu tố truyền thống như các mối quan hệ gia đình, họ hàng xuyên biên giới, thì hôn nhân xuyên biên giới tiềm ẩn một số vấn đề trong quản lý phát triển xã hội như: vấn đề di cư, việc làm xuyên biên giới, buôn bán trẻ em, phụ nữ xuyên biên giới, tội phạm xuyên biên giới,... Bài viết tập trung phân tích xu hướng kết hôn xuyên biên giới tại một số tỉnh biên giới ở Việt Nam hiện nay và làm rõ những vấn đề đặt ra trong quản lý hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội.*

Từ khóa: Hôn nhân, Hôn nhân xuyên biên giới, Phát triển xã hội

I. Về xu hướng kết hôn xuyên biên giới ở Việt Nam hiện nay

1. Theo quan điểm chức năng luận, hôn nhân là một thể chế xã hội, có vai trò quan trọng trong phát triển, đó là chức

năng duy trì nòi giống, duy trì và phát triển các dòng gen của con người. Trong bối cảnh phát triển và hội nhập, các cuộc hôn nhân xuyên biên giới, xuyên quốc gia còn có chức năng quan trọng làm phát triển hơn, đa dạng hơn nguồn gen của các nhóm chủng tộc, các tộc người khác nhau, góp phần quan trọng trong việc làm đa dạng hơn hay cải tạo nòi giống.

Sự lựa chọn kết hôn có thể nằm trong chiến lược nhằm mong muốn sự thay đổi địa vị, hoàn cảnh hay các mục tiêu cụ thể của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng trong mối quan hệ trao đổi hôn nhân. Hôn nhân cũng được xem xét nằm trong những động lực của phát triển xã hội. Từ các mối quan hệ hôn nhân, các biến đổi xã hội đã được hình thành, có thể được tạo dựng từ góc độ văn hóa hay là một chiến lược. Cho dù dưới hình thức biến đổi văn hóa hay chiến

^(*) Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài cấp quốc gia *Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay* thuộc Chương trình KX02-11-15, được thực hiện trong 2 năm 2014-2015 tại 21 xã trên 10 huyện của 6 tỉnh (Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Nghệ An và Kon Tum) với số lượng 1.536 phiếu điều tra bảng hỏi hộ gia đình (dân tộc Kinh là 149, Tày-324, Nùng-304, Thái-166, Hmông-328, Xơ đăng-98, Gia rai-101, dân tộc khác-66) và 58 cuộc phỏng vấn sâu (cô dâu đã lấy chồng nước ngoài quay trở về Việt Nam; người thân-cha mẹ, anh chị em; người sống cùng thôn bản; người già am hiểu phong tục tập quán; công an viên; cán bộ phụ nữ; cán bộ đội biên phòng).

^(**) TS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới; Email: danghoavdth@yahoo.com

lược thay đổi cuộc sống thì các cuộc hôn nhân cũng tạo ra những quan hệ xã hội mới, chu kỳ phát triển gia đình mới, không còn bó hẹp trong phạm vi cộng đồng truyền thống mà được mở ra ở một không gian rộng lớn hơn, thậm chí là bên ngoài biên giới quốc gia. Hôn nhân xuyên biên giới không phải là hiện tượng mới nhưng trong bối cảnh hiện nay đã có nhiều thay đổi so với trước đây. Các cuộc hôn nhân diễn ra trong bối cảnh không gian rộng hơn, không giới hạn trong một tộc người, giữa hai tộc người mà có sự tham gia của nhiều thành phần tộc người thuộc cùng hoặc khác nhóm ngôn ngữ. Mục đích của các cuộc hôn nhân cũng thay đổi và các cuộc hôn nhân đó cũng đang chịu tác động nhiều yếu tố mới.

Trong xu thế phát triển và hội nhập toàn cầu, hôn nhân xuyên biên giới cũng cần nhìn nhận trong sự phát triển bởi tất cả các yếu tố tích cực và hạn chế của nó. Những vấn đề xã hội mới đang được đặt ra bởi các cuộc hôn nhân, trong đó có hôn nhân xuyên biên giới trong bối cảnh kinh tế thị trường, hiện đại hóa và hội nhập hiện nay trở thành những vấn đề xã hội và quản lý xã hội rất cấp thiết. Bên cạnh những vấn đề của gia đình đa văn hóa, các vấn đề liên quan đến di cư, việc làm, quản lý nhân khẩu, quyền con người trong hôn nhân, gia đình cần được nhìn nhận một cách thấu đáo và toàn diện từ góc độ quản lý phát triển xã hội.

2. Xu hướng kết hôn xuyên biên giới ở Việt Nam hiện nay có chiều hướng tăng cả về số lượng và đa dạng hơn về tính chất. Quan hệ hôn nhân xuyên biên giới trong những năm gần đây lại có xu hướng giảm dần yếu tố đồng tộc và gia tăng yếu tố khác dân tộc. Trong các mối quan hệ văn hóa truyền thống, một số dân tộc cư trú gần biên giới kết hôn với đồng tộc của họ ở bên kia biên giới là hiện tượng vốn

thường xảy ra. Tuy nhiên, xu hướng kết hôn khác tộc ngày càng phổ biến hơn không chỉ giữa các tộc người cư trú ở khu vực biên giới mà cả các tộc người cư trú ở sâu trong nội địa, như Thái, Khơ Mú, Mường (Thanh Hóa, Nghệ An). Một bộ phận không nhỏ người Kinh kết hôn với người Hán và một số tộc người thiểu số ở các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây, thậm chí đi sâu vào nội địa một số địa phương khác của Trung Quốc. Dưới sự tác động ngày càng gia tăng của quá trình toàn cầu hóa, việc hôn nhân không đồng tộc xuyên biên giới là tất yếu, không chỉ có ở Việt Nam mà còn có ở nhiều quốc gia khác.

Hiện nay chưa có số liệu thống kê đầy đủ về số lượng người kết hôn xuyên biên giới, nhưng theo ước tính, hiện có khoảng trên 50 nghìn phụ nữ Việt Nam kết hôn với người Trung Quốc, khoảng hơn 2 nghìn người Việt Nam kết hôn với người Lào. Hiện tượng kết hôn xuyên biên giới vốn đã có trong lịch sử với đặc điểm của các thôn bản biên giới liền kề nhau, nhưng trở thành một trào lưu khá phổ biến từ những năm 1980 đến 2005 ở cả 3 vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia. Các tộc người có nhiều người kết hôn xuyên biên giới phải kể đến như: Tày, Nùng, Hmông, Hà Nhì, Lô Lô, Thái, Khơ Mú, Giè-Triêng, Brâu, Cơ ho,...

Số liệu khảo sát thực địa tại 6 tỉnh biên giới cho thấy, các trường hợp kết hôn xuyên biên giới phần lớn có hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ học vấn thấp và không có nguồn thu nhập khác ngoài nông nghiệp. Trong những năm gần đây, xu hướng đi tìm việc làm ở một số nước láng giềng như Trung Quốc, Lào trở nên khá phổ biến, là cơ hội dẫn tới các cuộc hôn nhân xuyên biên giới, nhất là đối với nhóm thanh niên trẻ ở độ tuổi dưới 30. Theo kết quả khảo sát tại 6 tỉnh, phần lớn

các cuộc hôn nhân xuyên biên giới là do tự tìm hiểu và tự quyết định kết hôn (70,7%). Nhóm kết hôn qua mai mối hay có sự sắp xếp của cha mẹ chỉ chiếm 11,3%. Đặc biệt, có 3,6% trường hợp kết hôn do cưỡng ép, lừa bán. Trong số các cuộc hôn nhân cưỡng ép và lừa bán, tỷ lệ cao nhất là do cha mẹ bắt ép, sắp đặt (240 trường hợp), người lạ bắt ép, lừa bán (56 trường hợp).

Về độ tuổi kết hôn, nhóm phụ nữ kết hôn xuyên biên giới nhiều nhất ở độ tuổi từ 18 đến 25 tuổi (48,7%). Ở nhóm tuổi từ 35 trở lên cũng chiếm tỷ lệ khá cao (30,4%), trong nhiều trường hợp phụ nữ đã quá lứa lỡ thì hoặc bị thất bại trong hôn nhân ở Việt Nam mong muốn tìm được hạnh phúc mới ở bên kia biên giới. Cá biệt có một bộ phận các em gái dưới 15 tuổi đã kết hôn xuyên biên giới ở dân tộc Tày (4,2%) và Nùng (2,7%).

Phần lớn những người đã kết hôn xuyên biên giới không có liên lạc với gia đình như ở Lạng Sơn (39,9%), Cao Bằng (45,6%), Hà Giang (51,8%), Nghệ An (71,2%). Dân tộc Nùng có mối liên hệ mật thiết hơn cả trong số các tộc người được khảo sát. Có tới 30,3% số hộ gia đình có mức độ liên hệ hàng tháng và hàng năm với anh chị em ruột ở bên kia biên giới, dân tộc Tày là 13,1%, dân tộc Hmông là 3,9%. Mức độ giúp đỡ của người thân đã và đang kết hôn ở bên kia biên giới đối với hộ gia đình cũng có tỷ lệ đáng kể. Với dân tộc Tày là 25% có hỗ trợ về mặt kinh tế, dân tộc Nùng là 34,4%, dân tộc Hmông là 42,8% và dân tộc Kinh là 54,4%.

Kết hôn xuyên biên giới vẫn luôn là một hướng đi có tính chiến lược đối với một số gia đình và các cô gái trẻ từ các vùng, địa phương trong cả nước nói chung, các tỉnh miền núi nói riêng. Từ các mối quan hệ làm ăn, buôn bán, thăm thân

hình thành các mối quan hệ hôn nhân mới là điều khó tránh khỏi. Đây cũng là một trong những yếu tố làm gia tăng xu hướng kết hôn xuyên biên giới của một số tộc người cư trú vùng biên giới, nhất là ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Tuy nhiên, các cuộc kết hôn xuyên biên giới cũng đang tiềm ẩn nhiều vấn đề xã hội, trước hết là những rủi ro đối với bản thân những người phụ nữ kết hôn với người nước ngoài không thực hiện được các thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật nước sở tại. Bên cạnh trào lưu đi lấy chồng ở các nước láng giềng, nhiều trường hợp phụ nữ đã bị các đối tượng tội phạm lừa bán, ép gả hay buôn bán người qua biên giới. Do vậy, hôn nhân xuyên biên giới cũng đang đặt ra nhiều vấn đề trong quản lý đường biên giới và sự ổn định trong phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương khu vực biên giới.

II. Một số vấn đề đặt ra trong quản lý hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội

1. Quản lý đăng ký kết hôn

Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ kết hôn xuyên biên giới có đăng ký kết hôn là rất thấp. Phần lớn trường hợp kết hôn xuyên biên giới không thực hiện bất kỳ thủ tục pháp lý nào trong đăng ký kết hôn, chủ yếu vẫn theo nhu cầu cá nhân. Hầu hết những trường hợp được hỏi có hôn nhân xuyên biên giới đều không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Việt Nam hay ở nước sở tại. Tỷ lệ có đăng ký kết hôn chỉ dưới 10% trong số mẫu khảo sát. Tuy nhiên, theo nhận thức của người dân, do các thủ tục đăng ký kết hôn quá phức tạp, nhiều khi nằm ngoài mong đợi, ngoài khả năng của người kết hôn xuyên biên giới. Lý do chủ yếu không đăng ký kết hôn là hầu hết những người kết hôn xuyên biên giới là phụ nữ dân tộc thiểu số, họ không

đủ điều kiện để đăng ký: không đủ giấy tờ, không đủ thời gian, không đủ hiểu biết (không biết tiếng, không biết chữ, không biết thủ tục pháp lý và cũng không biết phải đến những cơ quan nào để khai báo, làm các thủ tục hồ sơ...).

Thực tế là các cuộc hôn nhân xuyên biên giới ở Việt Nam hiện nay thường xuất phát từ các mối quan hệ trong lao động rồi gặp gỡ, nảy sinh tình cảm, hoặc cũng có người chủ định sang bên kia biên giới lấy vợ/chồng với mong muốn cuộc sống tốt hơn, có cái ăn, có cái mặc... Do vậy, họ thường đi chui, không khai báo với chính quyền địa phương nơi đi cũng như nơi đến. Thường họ bỏ địa phương đi một thời gian, sau khi đã có gia đình, có cuộc sống riêng mới thông báo về cho người thân biết. Do vậy, sự can thiệp và giúp đỡ của người thân trong gia đình để thực hiện đăng ký kết hôn là rất khó khăn.

2. Việc hỗ trợ cho những người kết hôn xuyên biên giới quay trở về Việt Nam

Theo kết quả khảo sát tại 6 tỉnh biên giới, những trường hợp kết hôn xuyên biên giới không thành công dù với bất cứ lý do nào mà họ phải quay trở lại quê hương, chính quyền địa phương cũng đã có những quan tâm nhất định, hỗ trợ kịp thời để họ ổn định cuộc sống. Tuy nhiên số người nhận được sự hỗ trợ này không nhiều, cụ thể: nhập hộ khẩu/nhập quốc tịch (5,5%); hỗ trợ kinh tế ban đầu để ổn định cuộc sống như gạo, vốn hoặc ruộng đất, v.v... (4,6%); cấp giấy khai sinh/ quốc tịch cho con cái (4,4%); tạo điều kiện để con cái họ được đi học (4%); giúp tìm kiếm việc làm (3,3%); các loại hỗ trợ như dạy ngôn ngữ, giúp tìm hiểu tập quán văn hóa, hòa nhập, hỗ trợ về pháp lý để đòi quyền lợi từ cuộc hôn nhân hoặc bị gả bán, và giúp tạm trú hoặc ở nhà tạm lánh và khác, có tỷ lệ dao động từ 0,4% đến 1,2%.

Theo ý kiến của cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Quảng Ninh và Lạng Sơn, khi người phụ nữ kết hôn xuyên biên giới không thành công phải trở về quê hương, Hội phụ nữ đã đứng ra bảo lãnh cho chị em vay vốn, làm lại chứng minh thư và thuyết phục chính quyền nhập lại hộ khẩu cho họ. Tuy nhiên, trong quá trình hỗ trợ này, hội phụ nữ ở cơ sở gặp không ít khó khăn về các thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, những người phụ nữ trở về trong điều kiện kinh tế rất khó khăn, không có việc làm, phải sống dựa vào người thân và thường rất nhạy cảm, lảng tránh trong giao tiếp cộng đồng. Số lượng chị em trở về được hỗ trợ rất ít, hầu hết họ đều phải tự lo cho cuộc sống của mình mà trong đó, không ít chị em do không chịu được sự vất vả, khó khăn trong cuộc sống đã buộc phải quay lại Trung Quốc với hy vọng tìm kiếm những cơ hội mới cho cuộc đời của họ.

Vấn đề con nuôi, chăm sóc trẻ em là con của phụ nữ Việt Nam có hôn nhân xuyên biên giới vẫn đang còn bỏ ngỏ trong hệ thống pháp lý của Việt Nam hiện nay. Các quy định về việc nhận con nuôi, con nuôi của người nước ngoài hay người nước ngoài nhận con nuôi đều nằm ngoài các trường hợp con của những phụ nữ này. Bên cạnh đó, thủ tục pháp lý đối với việc nhận con nuôi, con của những người kết hôn xuyên biên giới đã trở về Việt Nam sinh sống chưa có hướng dẫn cụ thể. Theo ý kiến của các cán bộ quản lý ở cơ sở, phần lớn các trường hợp con của những phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài ở khu vực biên giới đã trở về hiện đang được người thân chăm sóc chưa được làm giấy khai sinh, nhập hộ tịch và triển khai các chính sách an sinh xã hội. Do vậy, các cháu nhỏ hết sức thiệt thòi khi chưa được hưởng các chế độ của chính sách an sinh xã hội kể cả của Việt Nam và các nước láng giềng.

3. Vấn đề tạo việc làm, ổn định thu nhập và phát triển kinh tế hộ gia đình

Thiếu vốn, thiếu đất là những khó khăn chủ yếu mà các hộ gia đình có người thân kết hôn xuyên biên giới đang gặp phải trong hoạt động sản xuất/kinh doanh. Mặc dù đã và đang được hưởng những trợ giúp/ hỗ trợ nhất định trong phát triển sản xuất, các hộ gia đình ở khu vực biên giới vẫn gặp những khó khăn nhất định. Trong số 1.536 đại diện gia đình trả lời bảng hỏi, chỉ có 16,2% gia đình cho biết họ không gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất/kinh doanh. Số còn lại có 32,2% gia đình gặp 1 khó khăn, 27,8% gia đình gặp 2 khó khăn và 23,8% gia đình có từ 3 khó khăn trở lên trong hoạt động sản xuất/kinh doanh. Tỷ lệ gia đình gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra phổ biến hơn ở các tỉnh Kon Tum (95,1%), Nghệ An (88,7%) và ít phổ biến hơn ở các tỉnh Quảng Ninh (74,1%) và Lạng Sơn (79,1%). 57,6% trên tổng số các gia đình cho biết họ thiếu vốn trong sản xuất kinh doanh, 39,3% gia đình cho biết khó khăn của họ là thiếu đất sản xuất và 25,2% gia đình gặp khó khăn trong sản xuất do đất xấu.

Tình trạng nghèo đói vẫn phổ biến ở khu vực biên giới. Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình ở các địa bàn nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ gia đình nằm trong danh sách nghèo hoặc cận nghèo của địa phương khá cao, đặc biệt là ở các tỉnh Hà Giang, Nghệ An, Kon Tum. Tính chung trong tổng số các gia đình được khảo sát, có 30,7% gia đình thuộc hộ nghèo, 11,5% gia đình thuộc hộ cận nghèo. Tại Hà Giang, tỷ lệ hộ gia đình trong mẫu khảo sát thuộc danh sách hộ nghèo là 50,4%, cận nghèo là 4,9%. Người dân vùng biên giới chủ yếu sống bằng nông nghiệp, nghĩa là nguy cơ nghèo của các hộ gia đình ở vùng biên giới là rất lớn, đặc biệt khi mà

tỷ lệ làm nông nghiệp cao hơn ở nhóm nữ giới, nhóm trung niên và nhóm người cao tuổi. Như vậy, nông nghiệp vẫn đang là hoạt động kinh tế chủ yếu của các tộc người vùng biên giới, đặc biệt ở nhóm phụ nữ, nhóm người cao tuổi.

Trước thực trạng đó, một trong những chiến lược về lao động, việc làm được người dân vùng biên giới lựa chọn là đi làm thuê ở bên kia biên giới. Theo số liệu thống kê của lực lượng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội công an các huyện, thành phố tỉnh Hà Giang (tính từ ngày 16/11/2009 đến ngày 15/4/2015), lực lượng này đã phát hiện 72.528 lượt công dân xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, trong đó: nam 48.352 lượt người chiếm 66,66%, nữ 24.176 lượt người chiếm 33,33%, dưới 14 tuổi 4.835 lượt người chiếm 6,66%, dân tộc Hmông chiếm trên 60,43%. Số tự quay về Việt Nam là 46.895 lượt người, một số thường xuyên đi lại, một số đi vài ngày, vài tuần, vài tháng mới quay lại. Theo bộ đội biên phòng Hà Giang, thị trường lao động Trung Quốc tạo sức hút rất lớn, người lao động tự sang đó tìm việc. Lúc đầu chủ yếu là cư dân trong vùng biên giới đi lao động theo thời điểm, thời gian, mùa vụ. Nhưng dần dần, nó thu hút cả lao động trong các xã nội địa, các huyện nội địa và bây giờ đến các tỉnh nội địa, có nhiều người từ Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa, Nghệ An cũng đua nhau sang Trung Quốc làm thuê. Từ sức hút về lao động việc làm đã nảy sinh các mối quan hệ dẫn tới hôn nhân và chu kỳ vòng quay của hôn nhân lại tiếp tục được mở rộng.

Số liệu khảo sát tại 6 tỉnh cho thấy, có 12% lao động độ tuổi 15 trở lên đang làm việc ở bên kia biên giới trong vòng 12 tháng trước thời điểm điều tra. Tình trạng nam giới sang làm việc bên kia biên giới phổ biến hơn so với nữ giới (15,6% và 8,2%). Có sự khác biệt đáng kể về tỷ lệ

sang làm việc ở bên kia biên giới giữa các địa bàn nghiên cứu. Tỷ lệ lao động sang làm việc ở bên kia biên giới ở các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang cao hơn rất nhiều so với Nghệ An và đặc biệt là so với Kon Tum. Điều đó có nghĩa là tình trạng sang làm việc ở Trung Quốc diễn ra phổ biến hơn so với hai nước láng giềng khác là Lào và Campuchia.

Tuy nhiên, vấn đề đáng quan ngại là tình trạng sang biên giới làm việc diễn ra hoàn toàn tự phát, trái phép. Công dân vượt biên trái phép sang Trung Quốc thường lao động tập trung tại các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, chủ yếu là lao động phổ thông (phụ xây, làm gạch, phát nương, làm rẫy, thu hái nông sản, đào đãi vàng). Do quá trình lao động ở bên kia biên giới không có giấy tờ hợp pháp (không có thỏa thuận hợp tác với lao động bên Trung Quốc và cũng không có một thủ tục giấy tờ nào đảm bảo cho việc xuất khẩu lao động) nên người lao động dễ gặp rủi ro trong quá trình làm việc. Lao động xuyên biên giới không hợp pháp của cư dân khu vực biên giới không chỉ gây hệ lụy là những thiệt thòi về thu nhập của người dân mà còn cả những hệ lụy xã hội khác như tình trạng buôn bán người. Rõ ràng, trên thực tế, người dân di cư sang Trung Quốc hoặc Lào đã tìm kiếm được việc làm thu nhập cao nên cũng dễ hiểu tại sao người dân ở đây nhìn nhận rằng khi kết hôn với người Trung Quốc hoặc người Lào cũng sẽ dễ tìm được việc làm thu nhập cao.

4. Quản lý, ổn định địa bàn dân cư góp phần ổn định chính trị, an ninh vùng biên giới

Theo quan điểm của các cán bộ làm công tác quản lý hôn nhân xuyên biên giới ở cơ sở, quản lý hôn nhân xuyên biên giới ở khu vực biên giới đang đặt ra nhiều vấn đề nóng, liên quan chặt chẽ đến sự ổn định

phát triển xã hội và an ninh biên giới. Trước hết, hôn nhân xuyên biên giới có mối liên hệ chặt chẽ với việc đảm bảo an ninh, quốc phòng khu vực biên giới.

Theo báo cáo của các cơ quan an ninh khu vực biên giới, tình trạng vượt biên trái phép, đi lại thăm thân không thực hiện các quy định an ninh biên giới, buôn bán, bắt cóc phụ nữ, trẻ em, buôn bán ma túy, buôn hàng trốn thuế dựa vào các mối quan hệ đồng tộc, thân tộc, gia đình có người thân kết hôn ở bên kia biên giới đang là những vấn đề nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến an ninh vùng biên giới, đặc biệt là vùng biên giới Việt - Trung và Việt - Lào.

Đối với vùng biên giới Việt - Lào, có một số điểm nóng thuộc các tỉnh Sơn La (Mộc Châu, Sốp Cộp), Thanh Hóa (Mường Lát, Quan Sơn), Nghệ An (Quê Phong, Kỳ Sơn, Tương Dương). Tại các địa phương này, một bộ phận người dân tộc Hmông, Thái, Khơ mú lợi dụng mối quan hệ với người thân đang sinh sống ở vùng Bắc Lào liên kết vận chuyển hàng cấm, đặc biệt là ma túy, truyền đạo trái phép phát triển đạo Tin Lành ở khu vực vùng biên và vận động người di cư qua biên giới rất phức tạp. Các hoạt động xâm canh trồng cây thuốc phiện ở phía Lào dựa vào đồng tộc và người thân ở các làng bản sát biên giới đã gây ra nhiều khó khăn cho công tác quản lý an ninh khu vực biên giới. Phần lớn các đối tượng lợi dụng mối quan hệ gia đình, họ hàng từ các cuộc hôn nhân xuyên biên giới lén lút thâm nhập vào các bản sát biên giới để truyền đạo, vận chuyển mua bán ma túy. Riêng khu vực biên giới của tỉnh Nghệ An, tình trạng buôn lậu trâu bò qua biên giới rất khó kiểm soát. Hầu hết những người buôn bán trâu bò qua biên giới là người Hmông, thường có mối quan hệ anh em, họ hàng ở bên Lào và di chuyển bằng nhiều đường tắt, đường rừng sang Lào, gây rất nhiều

khó khăn đối với bộ đội biên phòng trong kiểm soát an ninh khu vực biên giới.

Đối với vùng biên giới Việt - Trung, có khá nhiều vấn đề nảy sinh từ hôn nhân xuyên biên giới đến an ninh, quốc phòng khu vực biên giới. Xuất phát từ nhu cầu đi làm thuê của một bộ phận lao động thuộc các xã khu vực biên giới, những người đã kết hôn ở bên kia biên giới luôn là đầu mối tìm kiếm việc làm và liên hệ, đưa người Việt Nam sang làm thuê. Do các mối quan hệ thân thiết trong gia đình nên phần lớn những người đi làm thuê trong trường hợp này không khai báo với công an hoặc bộ đội biên phòng. Việc qua lại biên giới không có giấy tờ hợp pháp thường gây ra nhiều vấn đề liên quan đến an ninh, an toàn cho chính người lao động. Họ bị một số kẻ xấu lợi dụng, thậm chí còn bị tổ chức trấn lột, cướp tiền, tài sản ở ngay trong khu vực biên giới. Hiện tượng này diễn ra trong một thời gian dài, gây hoang mang cho người dân sống ở khu vực biên giới.

Một trong những vấn đề nóng luôn nổi lên ở vùng biên giới Việt - Trung là tình trạng buôn bán, bắt cóc, cưỡng ép phụ nữ, trẻ em gái có liên quan đến hôn nhân xuyên biên giới. Thường xảy ra trường hợp những người đồng tộc, thậm chí cả người thân trong gia đình lừa bán hay ép gả các cháu gái mới lớn sang làm vợ của người Trung Quốc và thu lợi bất chính. Trường hợp này rất khó kiểm soát vì họ là người thân, thông thạo về ngôn ngữ và văn hóa nên rất khó phát hiện từ trước. Hiện tượng này khá phổ biến dọc biên giới từ Quảng Ninh đến Lai Châu và xảy ra ở khá nhiều tộc người như: Tày, Nùng, Hmông, Dao, Sán Dìu, Sán Chay,... Theo báo cáo của công an các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, nhiều đối tượng hai bên biên giới thường cấu kết, hình thành các ổ nhóm, đường dây hoạt động tội

phạm tại các xã, huyện biên giới. Phương thức, thủ đoạn rất tinh vi, hầu hết các vụ án đều có sự cấu kết giữa các đối tượng là người thân trong gia đình, trong quan hệ hôn nhân giữa Việt Nam và Trung Quốc. Tội phạm thường lợi dụng mối quen biết, sự thiếu hiểu biết của gia đình nạn nhân, gia đình đơn côi ở các địa bàn có hoàn cảnh khó khăn, xa xôi, hẻo lánh... Một số trường hợp do khó khăn về kinh tế đã móc nối với bên kia để đưa con, cháu, thậm chí cả vợ sang Trung Quốc. Có nhiều trường hợp đã sang lấy chồng ở Trung Quốc, vì lợi nhuận lại quay trở về địa phương, dụ dỗ những người quen biết, người thân đưa sang Trung Quốc bán làm vợ. Bên cạnh đó, dọc biên giới Việt - Trung cũng là những điểm nóng về buôn bán và vận chuyển hàng hóa bất hợp pháp với thủ đoạn rất tinh vi, đặc biệt là nhóm tội phạm lợi dụng các mối quan hệ từ những cuộc hôn nhân xuyên biên giới. Điều này gây ra nhiều khó khăn cho lực lượng bảo vệ an ninh biên giới.

*

* *

Có thể thấy, hôn nhân xuyên biên giới đang đặt ra những vấn đề mới trong việc đảm bảo sự ổn định ở khu vực biên giới, nhất là vùng biên giới Việt - Trung luôn diễn ra nhiều vấn đề phức tạp. Trong đó đáng quan tâm nhất là vấn đề tâm lý và niềm tin của cán bộ, nhân dân thuộc khu vực biên giới trong giải quyết những vấn đề cơ bản như lao động việc làm, ổn định đời sống và đảm bảo những vấn đề cơ bản trong quá trình phát triển như thực hiện và tuân thủ các quy định luật pháp và quyền của con người. Hôn nhân xuyên biên giới đã có những tác động không nhỏ dẫn tới sự bất ổn đó, tạo ra những khoảng trống trong quản lý xã hội và trở thành những rào cản trong phát triển xã hội ở vùng biên giới nói riêng và các tỉnh miền núi và dân tộc nói chung □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Căn (2009), *Chiến lược “Hung biên phú dân” của Trung Quốc*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
2. Công an tỉnh Hà Giang (2015), *Báo cáo về tình hình công tác quản lý nhân, hộ khẩu vùng biên giới*.
3. Công an tỉnh Nghệ An (2014), *Báo cáo tình hình kết quả công tác quản lý, phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh, công tác phối hợp quản lý nhà nước về kết hôn có yếu tố nước ngoài, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh Nghệ An*.
4. Công an tỉnh Quảng Ninh (2009), *Nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội vùng biên giới tỉnh Quảng Ninh*, <http://quangninh.gov.vn/vi-VN/bannganh/congantinh/Trang/Tin%20chi%20ti%E1%BA%BFt.aspx?newsid=1358&dt=2009-12-25&cid=3>.
5. Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao Việt Nam, IOM, EU (2011), *Báo cáo tổng quan về tình hình di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài*.
6. Trần Đức Cường (chủ biên, 2012), *Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Chỉ thị số 766/1997/TTg, Nghị quyết số 09/1998/ NQ-CP, *Chương trình hành động về phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em giai đoạn 2004-2010*.
8. Emily A. Shultz, Robert H. Lavenda, (2001), *Một quan điểm về tình trạng nhân sinh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đặng Thị Hoa và cộng sự (2015), *Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay*, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp quốc gia thuộc Chương trình KX02-11-15, Bộ Khoa học và Công nghệ.
10. Vũ Đăng Mạnh (2015), *Vị trí, vai trò của biên giới Việt - Trung đối với sự phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Hà Giang*, Tham luận tại Hội thảo: “Phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Hà Giang trong mối liên kết vùng Đông Bắc và Tây Bắc”, tháng 3/2015.
11. Lý Quyên, Long Diệu (2007), “Bàn về các vấn đề pháp lý trong hôn nhân qua biên giới Việt Trung”, *Tạp chí Chính trị Pháp luật*, Học viện Cán bộ quản lý chính trị pháp luật Quảng Tây, Trung Quốc, số 1 (bản dịch từ tiếng Trung).
12. R. Jon Mcgee, Rich L.Warms (2010), *Lý thuyết nhân loại học*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
13. Lý Hành Sơn (2008), *Quan hệ dân tộc vùng biên giới Việt - Lào*, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp bộ, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
14. Lý Hành Sơn, Trần Mai Lan (2014), *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người vùng miền núi phía Bắc*, Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài cấp bộ, Viện Dân tộc học.